

KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Nguyễn Thị Xuân Hương
Đại học Quảng Bình
Email: Hivongngaymai2011@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu khoa học góp phần hình thành tư duy khoa học, phát triển kỹ năng nghề nghiệp và năng lực tự học của sinh viên đại học. Tuy nhiên, trong thực tiễn đào tạo, sinh viên vẫn gặp những khó khăn tâm lý trong quá trình tham gia NCKH, ảnh hưởng đến hiệu quả và chất lượng nghiên cứu. Nghiên cứu này khảo sát 250 sinh viên Trường Đại học Quảng Bình mức độ khó khăn tâm lý trong NCKH theo ba phương diện: nhận thức, thái độ và kỹ năng. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm khắc phục khó khăn tâm lý trong nghiên cứu khoa học của sinh viên, góp phần nâng cao hiệu quả nghiên cứu.

Từ khóa: Khó khăn tâm lý, nghiên cứu khoa học, sinh viên đại học, Trường Đại học Quảng Bình

PSYCHOLOGICAL DIFFICULTIES IN UNIVERSITY STUDENTS' SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES: A CASE STUDY AT QUANG BINH UNIVERSITY

Abstract: Scientific research contributes to the development of scientific thinking and enhances university students' professional skills and capacity for self-directed learning. However, in educational practice, students still encounter psychological difficulties during their participation in research, which adversely affects research effectiveness and quality. This study surveyed 250 students at Quang Binh University to examine the level of psychological difficulties in scientific research across three dimensions: cognition, attitudes, and skills. Based on the findings, the paper proposes several recommendations to mitigate students' psychological difficulties in research, thereby improving research effectiveness.

Keywords: psychological difficulties; scientific research; university students; Quang Binh University.

Nhận bài: 31/12/2025

Phản biện: 21/01/2026

Duyệt đăng: 26/01/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học theo hướng phát triển năng lực người học, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên ngày càng được khẳng định là một bộ phận quan trọng, không thể tách rời của quá trình đào tạo. Tham gia nghiên cứu khoa học không chỉ giúp sinh viên củng cố và mở rộng kiến thức chuyên môn, mà còn góp phần hình thành tư duy phản biện, phát triển năng lực phân tích – tổng hợp, cũng như nâng cao khả năng vận dụng tri thức vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn nghề nghiệp.

Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy sinh viên đại học thường gặp không ít khó khăn tâm lý khi tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học. Cụ thể, nghiên cứu của Hoàng Thị Thu Hiền (2022) đã chỉ ra 5 nhóm khó khăn chủ yếu trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, bao gồm: (1) khó khăn trong việc lựa chọn đề tài nghiên cứu; (2) khó khăn trong tìm kiếm, khai thác và xử lý tài liệu; (3) khó khăn trong diễn đạt ngôn ngữ và trình bày kết quả nghiên cứu; (4) khó khăn về thời gian và kinh phí; và (5) khó khăn liên quan đến nhận thức và kinh nghiệm

nghiên cứu của sinh viên. Bên cạnh đó, Lê Thị Thương và Nguyễn Ngọc Lan (2024), khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Hà Nội, cũng đã tổng hợp các khó khăn thường gặp trong nghiên cứu khoa học của sinh viên từ nhiều công trình nghiên cứu trước đó. Nhiều tác giả thống nhất nhận định rằng sự thiếu hụt về năng lực, kiến thức và kỹ năng nghiên cứu là trở ngại lớn nhất đối với sinh viên (Trần Thị Thảo, 2017; Nguyễn Minh Đức & cộng sự, 2020; Trần Đức Long & cộng sự, 2024).

Tại Trường Đại học Quảng Bình, cũng như nhiều cơ sở giáo dục đại học địa phương trên cả nước, nhà trường rất coi trọng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Những năm gần đây, số lượng đề tài sinh viên tham gia có xu hướng tăng dần qua các năm học; tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH so với quy mô toàn trường vẫn chưa cao. Kế thừa kết quả của các công trình trước đây, bài viết tiến hành khảo sát và phân tích những khó khăn tâm lý trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên tại Trường Đại học Quảng Bình trên ba phương diện: nhận thức, thái độ và kỹ năng.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Trong tâm lý học, khái niệm khó khăn tâm lý được nhiều tác giả tiếp cận từ các góc độ khác nhau nhưng đều thống nhất ở bản chất cản trở hoạt động của cá nhân.

Tác giả Dương Thị Kim Oanh (2013) cho rằng khó khăn tâm lý là toàn bộ các yếu tố tâm lý nảy sinh trong quá trình hoạt động, có tác động tiêu cực đến tiến trình và kết quả hoạt động của cá nhân.

Lê Minh (2018) xác định khó khăn tâm lý là sự thiếu hụt, không toàn vẹn về các phẩm chất tâm lý, thể hiện ở sự hạn chế về nhận thức, thái độ và hành vi, khiến cá nhân rơi vào trạng thái lúng túng, lo lắng và gặp nhiều trở ngại khi thực hiện một hoạt động nhất định.

Tiếp cận theo mối quan hệ giữa cá nhân và bối cảnh hoạt động, Hoàng Thị Thu Hiền (2022) cho rằng khó khăn tâm lý là những đặc điểm tâm lý không phù hợp với yêu cầu về nội dung, đối tượng và hoàn cảnh công việc, biểu hiện ở sự hạn chế về nhận thức, thái độ và hành vi, làm cản trở quá trình hoạt động của cá nhân; những khó khăn này có thể phát sinh từ các yếu tố khách quan như điều kiện, môi trường, phương tiện, xã hội, hoặc từ các yếu tố chủ quan như nhận thức, thái độ, năng lực và hứng thú của cá nhân.

Khái niệm NCKH đã được nhiều tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu. Armstrong và Sperry (1994) cho rằng NCKH là việc ứng dụng các phương pháp khoa học để phát hiện tri thức mới về bản chất của sự vật, thế giới tự nhiên và xã hội, đồng thời phát triển các phương pháp và phương tiện kỹ thuật có giá trị cao hơn.

Babbie (2011) định nghĩa NCKH là quá trình tìm hiểu các hiện tượng khoa học một cách hệ thống và vận dụng các ý tưởng, nguyên lý nhằm tạo ra tri thức mới để giải thích các sự vật, hiện tượng.

Vũ Cao Đàm (2006) cho rằng NCKH là hoạt động tìm kiếm những kiến thức khoa học chưa biết, bao gồm phát hiện bản chất sự vật, nâng cao nhận thức khoa học về thế giới, và sáng tạo các phương pháp, phương tiện kỹ thuật mới phục vụ hoạt động của con người. Theo Luật Khoa học và Công nghệ (Quốc hội, 2013), NCKH là hoạt động khám phá, phát hiện bản chất và quy luật của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy, đồng thời phát triển các giải pháp ứng dụng vào thực tiễn.

Từ các khái niệm về khó khăn tâm lý và nghiên cứu khoa học, trong phạm vi bài viết này, khó khăn tâm lý trong hoạt động nghiên cứu khoa học được hiểu là những yếu tố tâm lý bất lợi nảy sinh trong quá trình thực hiện NCKH, biểu hiện ở sự hạn chế về nhận thức, thái độ và kỹ năng; có nguồn gốc từ các yếu tố chủ quan và khách quan; gây cản trở tiến trình và làm giảm hiệu quả nghiên cứu của cá nhân.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khách thể khảo sát gồm 250 sinh viên Trường Đại học Quảng Bình; trong đó 120 sinh viên đã tham gia NCKH và 130 sinh viên chưa tham gia NCKH.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích–tổng hợp tài liệu lý thuyết nhằm làm rõ các khái niệm cơ bản liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Khảo sát thực trạng được thực hiện bằng điều tra bảng hỏi nhằm thu thập dữ liệu về khó khăn tâm lý trong NCKH của sinh viên. Dữ liệu thu được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS nhằm bảo đảm độ tin cậy và tính khoa học của kết quả. Nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả (điểm trung bình - ĐTB, độ lệch chuẩn - ĐLC) để mô tả mức độ khó khăn. Quy ước xếp loại giá trị trung bình như sau: Từ 1 đến 1,67: Mức độ thấp; Từ 1,68 đến 2,33: Mức độ trung bình; Từ 2,34 đến 3: Mức độ cao. Đồng thời sử dụng kiểm định t cho hai mẫu độc lập để so sánh khác biệt giữa nhóm đã tham gia và chưa tham gia NCKH. Mức ý nghĩa được diễn giải theo các ký hiệu trong bảng (* $p < 0,05$; ** $p < 0,01$).

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Khó khăn tâm lý biểu hiện về mặt nhận thức trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Xét chung toàn mẫu, cho thấy mức độ khó khăn về mặt nhận thức của sinh viên trong hoạt động NCKH dao động từ 2,15 đến 2,50 (ĐLC: 0,64–0,72), phản ánh khó khăn xuất hiện ở nhiều khâu và mức độ phân tán vừa phải giữa các cá nhân. Trong các biểu hiện, khó khăn nổi bật nhất là “chưa hiểu đầy đủ quy trình thu thập, xử lý và phân tích số liệu nghiên cứu” (ĐTB = 2,50), cho thấy sinh viên còn hạn chế trong nhận thức ở giai đoạn đòi hỏi khả năng triển khai theo trình tự và diễn giải kết quả nghiên cứu. Các nội dung có điểm trung bình tương đối cao tiếp theo gồm “chưa hiểu rõ bản chất và tiêu chí lựa chọn

phương pháp nghiên cứu” (ĐTB = 2,44), “chưa hiểu rõ cách hệ thống hóa tài liệu và cấu trúc của cơ sở lý luận” (ĐTB = 2,43) và “chưa hiểu đúng bản chất giả thuyết khoa học” (ĐTB = 2,42). Ở chiều ngược lại, “chưa hiểu đầy đủ vai trò và ý nghĩa của hoạt động NCKH” có ĐTB thấp hơn tương đối (ĐTB = 2,15).

Xét theo nhóm, sinh viên chưa tham gia NCKH có ĐTB cao hơn sinh viên đã tham gia NCKH ở tất cả các biểu hiện; khác biệt có ý nghĩa ở 9/10 nội dung. Kết quả này cho thấy trải nghiệm tham gia NCKH có liên hệ với việc giảm mức độ khó khăn nhận thức ở đa số thành tố của quá trình nghiên cứu. Tuy nhiên, riêng “chưa hiểu đầy đủ quy trình thu thập, xử lý và phân tích số liệu nghiên cứu” không khác biệt có ý nghĩa giữa hai nhóm ($t = -1,88$; $p > 0,05$).

4.2. Khó khăn tâm lý biểu hiện về mặt thái độ trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Xét chung toàn mẫu, cho thấy các khó khăn về thái độ của sinh viên đối với hoạt động NCKH xuất hiện ở nhiều mặt, với ĐTB dao động từ 2,21 đến 2,42 (ĐLC 0,63–0,72). Các biểu hiện có ĐTB cao tập trung chủ yếu vào việc giữ vững quyết tâm và theo đuổi nghiên cứu đến cùng. Cụ thể, “dễ nản chí khi gặp khó khăn trong quá trình nghiên cứu” có ĐTB cao nhất (2,42); tiếp theo là “chưa sẵn sàng đầu tư thời gian và công sức cho hoạt động nghiên cứu khoa học” (2,38) và “thiếu sự kiên trì trong quá trình theo đuổi đề tài nghiên cứu” (2,37).

Bên cạnh đó, nhóm biểu hiện liên quan đến mức độ tham gia và cách ứng xử trong hoạt động nghiên cứu cũng được ghi nhận ở mức đáng chú ý. Các nội dung như “thiếu hứng thú đối với hoạt động nghiên cứu khoa học” (2,32), “thiếu thái độ chủ động đối với các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học” (2,30), “chưa sẵn sàng tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học” (2,30) và “thiếu thái độ tích cực đối với hoạt động trao đổi và thảo luận học thuật” (2,28) cho thấy không ít sinh viên còn thụ động và ít gắn bó với các hoạt động đặc trưng của NCKH. Đồng thời, “ý thức trách nhiệm đối với kết quả và chất lượng nghiên cứu khoa học chưa cao” (2,26) và “chưa coi trọng việc tuân thủ các yêu cầu và quy định của nghiên cứu khoa học” (2,21).

Xét theo nhóm, sinh viên chưa tham gia NCKH có ĐTB cao hơn sinh viên đã tham gia ở toàn bộ 10 biểu hiện; tất cả khác biệt đều có ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$). Kết quả này cho thấy việc từng tham gia NCKH mức khó khăn về thái độ thấp hơn, thể hiện rõ ở các nội dung như hứng thú, chủ động, mức đầu tư, sự kiên trì và mức sẵn sàng tham gia.

4.3. Khó khăn tâm lý biểu hiện về mặt kỹ năng trong hoạt động nghiên cứu khoa học

Xét chung toàn mẫu, cho thấy khó khăn về kỹ năng NCKH của sinh viên phân bố trên nhiều khâu, với ĐTB dao động 2,11–2,52 (ĐLC 0,62–0,72), phản ánh mức phân tán vừa phải và xu hướng khó khăn tương đối phổ biến trong mẫu.

Về nội dung, khó khăn tập trung rõ nhất ở nhóm kỹ năng liên quan đến dữ liệu: “Gặp khó khăn trong xử lý và phân tích số liệu nghiên cứu.” có ĐTB cao nhất (2,52), tiếp theo là “Việc thu thập thông tin và dữ liệu phục vụ nghiên cứu còn nhiều hạn chế” (2,47). Kế đến là nhóm kỹ năng tổ chức và triển khai nghiên cứu, thể hiện ở “Việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn còn thiếu linh hoạt.” (2,42) và “Việc hệ thống hóa tài liệu và xây dựng cơ sở lý luận chưa đạt hiệu quả.” (2,42). Các kỹ năng thuộc giai đoạn khởi đầu có mức khó khăn thấp hơn tương đối, như “Gặp khó khăn trong việc lựa chọn và xác định vấn đề nghiên cứu cụ thể.” (2,11) và “Lúng túng khi xác định đối tượng và khách thể nghiên cứu.” (2,13); tuy nhiên, các khâu “Việc xây dựng mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu còn thiếu sự phù hợp với vấn đề nghiên cứu.” (2,18) và “Chưa xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học một cách logic và hệ thống.” (2,22).

Xét theo nhóm, sinh viên chưa tham gia NCKH có ĐTB cao hơn sinh viên đã tham gia ở cả 10 biểu hiện; các khác biệt đều có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$; $p < 0,01$). Chênh lệch rõ nhất tập trung ở nhóm kỹ năng dữ liệu (thu thập; xử lý và phân tích số liệu đều $p < 0,01$), cho thấy đây là trọng tâm cần ưu tiên hỗ trợ. Bên cạnh đó, “Viết và trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học theo chuẩn mực học thuật còn hạn chế.” (2,36).

Từ các phân tích trên có thể khẳng định rằng khó khăn tâm lý trong NCKH của sinh viên là vấn đề mang tính phổ biến và thể hiện trên nhiều khía cạnh, đặc biệt tập trung vào năng lực phương pháp – dữ liệu và sự kiên trì trong quá trình triển khai nghiên cứu.

4.4. Một số khuyến nghị nhằm khắc phục khó khăn trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

4.4.1. Về phía nhà trường

Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn nghiên cứu khoa học, giáo trình phương pháp nghiên cứu và hệ thống tài liệu tham khảo được cập nhật, có chọn lọc. Đồng thời, mở rộng quyền truy cập của sinh viên vào các cơ sở dữ liệu khoa học uy tín và các phần mềm hỗ trợ xử lý, phân tích số liệu.

Tổ chức các khóa học, chuyên đề và học phần thực hành tập trung vào những nội dung cốt lõi của nghiên cứu khoa học như xây dựng giả thuyết, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thu thập và xử lý số liệu, cũng như viết báo cáo khoa học.

Tổ chức thường xuyên các hội thảo khoa học, seminar chuyên đề và tọa đàm theo lĩnh vực đào tạo, tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận hoạt động nghiên cứu khoa học một cách liên tục, qua đó hình thành tư duy nghiên cứu thông qua trao đổi và thảo luận.

Khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu theo nhóm, câu lạc bộ và các cộng đồng nghiên cứu sinh viên. Những hình thức này góp phần tăng trao đổi, đồng thời phát triển năng lực làm việc nhóm, tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề.

Lồng ghép kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên vào tiêu chí đánh giá học tập và rèn luyện; đồng thời có các hình thức ghi nhận, khen thưởng và công bố các sản phẩm nghiên cứu tiêu biểu, nhằm khuyến khích sinh viên chủ động và tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học.

4.4.2. Về phía giảng viên

Giảng viên cần dạy tốt học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học theo hướng rõ mục tiêu, sát yêu cầu thực hành; nhấn mạnh các nội dung cốt lõi như xác định vấn đề, xây dựng mục tiêu–nhiệm vụ, hình thành giả thuyết, lựa chọn phương pháp, thu thập–xử lý dữ liệu và viết báo cáo.

Cần giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng hoạt động NCKH của sinh viên thông qua hướng dẫn có kế hoạch và mang tính hệ thống, bao quát toàn bộ quy trình nghiên cứu. Qua đó giúp sinh viên hiểu đúng yêu cầu của từng bước.

Cần chú trọng giải thích cơ sở lý luận và logic của các thao tác nghiên cứu, làm rõ mối liên hệ giữa mục tiêu/câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết và phương pháp.

Tổ chức thường xuyên hoạt động trao đổi và phản biện (thảo luận trên lớp, seminar, báo cáo tiến độ), tạo điều kiện để sinh viên trình bày ý tưởng, nhận góp ý và tự đánh giá tiến độ, chất lượng thực hiện.

Cung cấp phản hồi kịp thời, cụ thể theo từng sản phẩm nghiên cứu, tập trung vào các khâu sinh viên hay gặp khó khăn như xử lý dữ liệu, phân tích kết quả và viết báo cáo; đồng thời định hướng cách cải thiện phù hợp.

Tạo điều kiện cho sinh viên thực hành nghiên cứu gắn với thực tiễn bằng cách lồng ghép bài tập/tiểu luận/đề tài nhỏ trong học phần và tạo cơ hội tham gia đề tài của giảng viên, nhằm tích lũy kinh nghiệm và nâng cao kỹ năng.

4.4.3. Về phía sinh viên

Nhận thức đúng vai trò và ý nghĩa của NCKH đối với phát triển tư duy, năng lực nghề nghiệp và khả năng tự học lâu dài.

Hình thành động cơ tham gia tích cực, tránh tâm lý đối phó hoặc làm hình thức.

Chủ động sắp xếp thời gian, thực hiện đầy đủ các bước nghiên cứu từ xác định vấn đề đến hoàn thiện báo cáo.

Rèn luyện kỹ năng vận dụng phương pháp, thu thập–xử lý dữ liệu và hệ thống hóa tài liệu thông qua bài tập và đề tài cụ thể.

Rèn luyện tính kiên trì, tinh thần trách nhiệm và trung thực trong nghiên cứu.

Tham gia thảo luận, trao đổi chuyên môn và tiếp nhận góp ý từ giảng viên, bạn học để cải thiện chất lượng thực hiện.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu khảo sát 250 sinh viên Trường Đại học Quảng Bình cho thấy khó khăn tâm lý trong hoạt động nghiên cứu khoa học xuất hiện ở cả ba phương diện nhận thức – thái độ – kỹ năng, với mức độ trung bình–khá. Ở phương diện nhận thức, khó khăn tập trung vào các nội dung mang tính quy trình và phương pháp, nổi bật là hiểu biết về thu thập–xử lý–phân tích số liệu, tiêu chí lựa chọn phương pháp, hệ thống hóa tài liệu và xây dựng cơ sở lý luận. Ở phương diện thái độ, trở ngại chủ yếu liên quan đến duy trì nỗ lực, thể hiện qua dễ nản chí, chưa sẵn sàng đầu tư thời gian–công sức và thiếu kiên trì, kèm theo xu hướng thụ động trong tham gia và trao đổi. Ở phương diện kỹ năng, khó khăn nổi bật nhất thuộc nhóm kỹ năng dữ liệu (thu thập thông tin/dữ liệu và xử lý–

phân tích số liệu), đồng thời kỹ năng viết và trình bày báo cáo còn hạn chế.

So sánh theo trải nghiệm cho thấy nhóm chưa tham gia NCKH có mức khó khăn cao hơn nhóm

đã tham gia ở hầu hết tiêu chí và nhiều khác biệt có ý nghĩa thống kê; tuy nhiên, các nội dung liên quan đến dữ liệu vẫn là điểm khó nổi trội, cho thấy đây là hạn chế cần ưu tiên hỗ trợ chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Armstrong, J. S., & Sperry, T. (1994). The ombudsman: Business school prestige—Research versus teaching. *Interfaces*, 24(2), 13–43.
- Babbie, E. R. (2011). *The Practice of Social Research*. Wadsworth.
- Dương Thị Kim Oanh. (2013). Biểu hiện khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên. *Tạp chí Giáo dục*, 306, 19–22.
- Hoàng Thị Thu Hiền. (2022). Khó khăn tâm lý trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đại học. *Tạp chí Giáo dục và Lý luận*, 337(3), 49–53.
- Lê Minh. (2018). Khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm. *Tạp chí Giáo dục*, 428, 12–16.
- Lê Thị Thương, & Nguyễn Ngọc Lân. (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục*, 24(14), 47–52.
- Nguyễn Minh Đức, Tô Thị Kim Hồng, & Nguyễn Thành Tuấn. (2020). Khó khăn trong hoàn thành nghiên cứu khoa học của sinh viên khối ngành kinh tế tại TP. HCM. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, 7(3), 105–120.
- Quốc hội. (2013). *Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13*. Hà Nội.
- Trần Đức Long, Trần Thái Thanh Tâm, Lê Thị Gái, Nguyễn An Khang, Trần Văn Đệ, & Trần Thị Như Lê. (2024). Động lực và rào cản trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Tạp chí Y dược học Cần Thơ*, 71, 181–188.
- Trần Thị Thảo. (2017). Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Tâm lý - Giáo dục - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, 19, 126–135.
- Vũ Cao Đàm. (2006). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
- Đặng Thị Ngọc Phượng. (2016). Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên Khoa Giáo dục mầm non Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế. *Tạp chí Giáo dục*, 373, 32–34.